TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 188/2018/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 29 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 302/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa:

Chị **Đặng Trần Nữ T**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 30, đường Ngô Gia Tự, khu phố 11, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Anh **Lê Văn B**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 226, tổ 3, ấp 4, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Trần Nữ T và anh Lê Văn B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Trần Nữ T và anh Lê Văn B cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh B có con chung là Lê Đặng Bảo C, sinh ngày 03/10/2013. Các bên thỏa thuận giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 2.000.000đ kể từ ngày 01/7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về thuận tình ly hôn là 150.000đ. Chị T và anh B mỗi người phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm thuận tình ly hôn là 75.000đ. Anh B phải chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai số 005000 ngày 07/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào số tiền án phí chị T phải chịu. Chị T đã nộp đủ án phí.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thanh Hà